Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8508.60.00

Mã HS	8508.60.00
Mô tả hàng hóa	Máy hút bụi / - Máy hút bụi khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 06:04:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85086000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15150
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15150
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15150
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14450
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14391
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14391
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14391
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14391
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14391
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14391
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14445
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14445
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14445
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14445
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14445
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14446
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14446
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14446
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14446
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14446
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14446
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14449
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14397
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14405
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14405
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14405
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14405
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14405
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14405
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14436
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14436
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14436
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14436
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14436
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14436
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14491
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14491

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14491
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14491
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14491
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14491
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14468
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14468
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14468
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14468
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14468
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14468
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14468
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14468
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14468
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14468
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14468
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14468
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14483
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14483
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14483
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14483
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14483
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14483
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14482
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14482
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14482
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14482
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14482
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14475
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14475
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14475
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14475
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14475
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14475
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14475
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14470
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14470
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14470
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14470
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14470
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14470
RCEP B	2022	2022	0	B!D14470
RCEP B	2023	2023	0	B!E14470
RCEP B	2024	2024	0	B!F14470
RCEP B	2025	2025	0	B!G14470
RCEP B	2026	2026	0	B!H14470
RCEP B	2027	2027	0	B!I14470
RCEP C	2022	2022	0	C!D14470
RCEP C	2023	2023	0	C!E14470
RCEP C	2024	2024	0	C!F14470
RCEP C	2025	2025	0	C!G14470
RCEP C	2026	2026	0	C!H14470

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14470
RCEP D	2022	2022	0	D!D14469
RCEP D	2023	2023	0	D!E14469
RCEP D	2024	2024	0	D!F14469
RCEP D	2025	2025	0	D!G14469
RCEP D	2026	2026	0	D!H14469
RCEP D	2027	2027	0	D!I14469
RCEP E	2022	2022	0	E!D14473
RCEP E	2023	2023	0	E!E14473
RCEP E	2024	2024	0	E!F14473
RCEP E	2025	2025	0	E!G14473
RCEP E	2026	2026	0	E!H14473
RCEP E	2027	2027	0	E!I14473
RCEP F	2022	2022	0	F!D14470
RCEP F	2023	2023	0	F!E14470
RCEP F	2024	2024	0	F!F14470
RCEP F	2025	2025	0	F!G14470
RCEP F	2026	2026	0	F!H14470
RCEP F	2027	2027	0	F!I14470
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13464
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13464
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13464
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13464

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8508.60.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8508.60.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15150), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.